

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/DS-ST

Ngày 20/6/2025

“V/v: *Kiện đòi tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Kim Chung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Dhiều Hmok, bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Xiêm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Từ Quốc Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 20/6/2025, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2025/TLST-DS ngày 10/3/2025 về việc “*Kiện đòi tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2025/QĐXXST-DS ngày 23/5/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1978 (có mặt) và ông Trần Văn S, sinh năm 1974 (vắng mặt); địa chỉ: Số G H, tổ dân phố B, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của ông Trần Văn S là bà Phạm Thị H, sinh năm 1978; địa chỉ: Số G H, tổ dân phố B, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1984 cùng chồng là ông Lê Đình H2; cùng địa chỉ: Tổ dân phố A, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn là bà Phạm Thị H trình bày có nội dung như sau: Gia đình bà và gia đình bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Lê Đình H2 sinh sống trên địa bàn phường T nên quen biết nhau, do vợ chồng bà làm nghề mua bán nông sản có chót hạt tiêu khô, cà phê cho người dân, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Lê Đình

H2 nhiều lần chốt hạt tiêu khô, cụ thể 03 lần chốt 1.230kg hạt tiêu khô, cụ thể như sau:

Lần 1 ngày 04/3/2021 bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Lê Đình H2 chốt của bà và ông S 150kg hạt tiêu khô

Lần 2 ngày 05/01/2023 bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Lê Đình H2 chốt của bà và ông S 1.050kg hạt tiêu khô

Lần 3 ngày 19/01/2023 bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Lê Đình H2 chốt của bà và ông S 30kg hạt tiêu khô

Các lần chốt nợ bà đều ghi vào sổ trên giấy ô ly có nội dung chốt số kg tiêu khô cụ thể, bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Lê Đình H2 ký xác nhận vào giấy. Thời hạn trả nợ đến cuối vụ thu hoạch hạt tiêu trong năm. Bà và ông S không nhận thế chấp tài sản gì của bị đơn, cũng không có ai đứng ra bảo lãnh cho khoản nợ nói trên

Tuy nhiên sau khi thu hoạch xong hạt tiêu bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Lê Đình H2 không trả nợ cho bà. Do đó bà và ông S khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Lê Đình H2 trả 1.230kg hạt tiêu khô. Bà và ông S không yêu cầu Tòa án tính lãi suất đối với khoản nợ trên.

Đối với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Thu H1 đã trả cho bà 875kg hạt tiêu khô, bà không đồng ý lời trình bày của bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1 và cho rằng lời trình bày này không đúng sự thật, bà khẳng định bà Nguyễn Thị Thu H1 chưa trả nợ cho bà. Nếu có yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1 cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Đối với giấy tờ lịch năm 2018 có các chữ số bà Nguyễn Thị Thu H1 giao nộp cho Tòa án ngày 10/6/2025 bà thừa nhận do bà viết, trừ chữ (lãi tiêu 46kg) là do bà Nguyễn Thị Thu H1 viết thêm vào nhưng đó là các khoản chốt nợ năm 2018 không liên quan đến khoản nợ 1.230 kg hạt tiêu khô năm 2021, năm 2023 mà bà đang khởi kiện. Bởi lẽ giữa bà và bà Nguyễn Thị Thu H1 nhiều lần chốt hạt tiêu khô, cả phê nhân khác nhau và chốt trong nhiều năm nên bà ghi tờ giấy lịch cho bà Nguyễn Thị Thu H1 khi trả các khoản nợ khác.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1 trình bày có nội dung: Bà và ông Lê Đình H2 là vợ chồng, việc ông Trần Văn S và bà Phạm Thị H kiện đòi 1.230kg hạt tiêu khô, bà và ông H2 đã biết việc này. Bà thừa nhận giữa bà và Phạm Thị H nhiều lần giao dịch chốt hạt tiêu khô, cả phê nhân, chữ ký trong giấy ghi có nội dung bà và ông H2 chốt tiêu đúng là chữ ký của bà và ông H2 nhưng sau thời điểm chốt nợ bà đã nhiều lần trả nợ cho bà Phạm Thị H và ông Trần Văn S. Cụ thể bà và ông H2 đã trả 875kg hạt tiêu khô, bà có tài liệu là bản gốc tờ lịch năm 2018 ghi số kilogam hạt tiêu khô mà bà đã trả cho bà Phạm Thị H. Bà và ông H2 chỉ thừa nhận nợ bà Phạm Thị H và ông Trần Văn S 355kg hạt tiêu khô. Vì vậy bà chỉ đồng ý trả cho bà Phạm Thị H và ông Trần Văn S 355kg hạt tiêu khô, không đồng ý trả 875kg hạt tiêu khô.

Bị đơn ông Lê Đình H2 đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần, nhưng không có ý kiến, không đến Tòa án tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Lê Đình H2 phải trả cho vợ chồng bà Phạm Thị H và ông Trần Văn S 1.230kg hạt tiêu khô. Về lãi suất bà Phạm Thị H và ông Trần Văn S không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Đây là quan hệ pháp luật “*Kiện đòi tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về trình tự thủ tục tố tụng:* Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Lê Đình H2 đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, sáng ngày 20/6/2025 bà Nguyễn Thị Thu H1 có đơn xin hoãn phiên tòa vì lý do sức khỏe nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh lý do xin hoãn vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về yêu cầu của đương sự:*

[3.1] Nguyên đơn vợ chồng bà Phạm Thị H và ông Trần Văn S yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Lê Đình H2 trả 1.230 kg hạt tiêu khô, không yêu cầu tính lãi suất. Hội đồng xét xử, xét thấy ngày 04/3/2021 bà Nguyễn Thị Thu H1 ký giấy có nội dung chốt của bà Phạm Thị H 150kg tiêu khô, ngày 05/01/2023 bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Lê Đình H2 ký giấy có nội dung chốt của bà Phạm Thị H và ông Trần Văn S 1050kg hạt tiêu khô; ngày 19/01/2023 bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Lê Đình H2 ký giấy có nội dung chốt của bà H1 và ông S 30kg hạt tiêu khô. Tổng ba lần chốt là 1.230kg hạt tiêu khô; đến nay bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Lê Đình H2 chưa trả số hạt tiêu đã chốt cho bà Phạm Thị H và ông Trần Văn S là vi phạm nghĩa vụ trả nợ do đó yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H và ông Trần Văn S là có căn cứ, cần chấp nhận. Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1 cho rằng đã trả cho bà Phạm Thị H 875kg hạt tiêu khô, chỉ còn nợ 355kg hạt tiêu khô nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh, mặt khác bà

Phạm Thị H và ông Trần Văn S không thừa nhận việc này nên không có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Sau khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, ngày 10/6/2025 bà Nguyễn Thị Thu H1 giao nộp 01 tờ giấy lịch năm 2018 (Mậu tuất), phía sau tờ lịch có ghi nội dung: $638 \times 3 = 191$

638

191

829

46 tiền quy (lãi tiêu 46kg)

875

Bà Nguyễn Thị Thu H1 cho rằng đây là số hạt tiêu đã trả cho bà Phạm Thị H, Tòa án đã tiến hành đối chất giữa các bên, tuy nhiên bà Phạm Thị H không thừa nhận việc này và cho rằng đây là tờ giấy ghi năm 2018 không liên quan đến nội dung đơn khởi kiện; mặt khác các chữ số không thể hiện nội dung trả nợ cho khoản nào, ghi vào ngày tháng năm nào và các bên đều thừa nhận đã nhiều lần chốt hạt tiêu, cả phê nhân với nhau do đó tờ giấy lịch không có giá trị chứng minh để khấu trừ cho khoản nợ nguyên đơn đang khởi kiện.

Từ nhận định trên ở mục [3.1] và [3.2], Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Lê Đình H2 phải trả cho bà Phạm Thị H và ông Trần Văn S 1.230 kg hạt tiêu khô là phù hợp Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự;

[4] Về lãi suất nguyên đơn bà Phạm Thị H và ông Trần Văn S không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

[5] Xét quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Phạm Thị H và ông Trần Văn S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.612.500 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004096 ngày 10/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk. Giá hạt tiêu khô tại thời điểm xét xử là 140.000 đồng/kg $\times 1.230\text{kg} = 172.200.000$ đồng do đó bị đơn vợ chồng bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Lê Đình H2 phải chịu 8.610.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ vào Điều 144, Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự;*

Căn cứ vào Điều 9; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H và ông Trần Văn S.

Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Lê Đình H2 phải trả cho bà Phạm Thị H và ông Trần Văn S 1.230kg (Một ngàn hai trăm ba mươi kilogam) hạt tiêu khô.

Về lãi suất nguyên đơn bà Phạm Thị H và ông Trần Văn S không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Nguyên đơn bà Phạm Thị H và ông Trần Văn S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Phạm Thị H và ông Trần Văn S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.612.500 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004096 ngày 10/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn vợ chồng bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Lê Đình H2 phải chịu 8.610.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- CCTHADS thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trương Kim Chung

